

## BIỂU TƯỢNG HOA CAU TRONG LỄ CƯỚI CỦA NGƯỜI KHMER NAM BỘ

*Areca flower as a symbol of Khmer wedding in Southern Viet Nam*

Nguyễn Thị Thu Hương<sup>1</sup>

### Tóm tắt

Nghiên cứu về biểu tượng trong văn hóa dân gian hay văn học dân gian là mảng đề tài đã và đang thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Trong phạm vi bài viết này, trên cơ sở lý thuyết và thực tiễn, tác giả bước đầu tìm hiểu nguồn gốc và ý nghĩa của biểu tượng “hoa cau” trong lễ cưới của người Khmer. Qua đây, một mặt nhằm khẳng định giá trị văn học của biểu tượng “hoa cau” được thể hiện qua một số bài dân ca trong đám cưới, mặt khác góp phần khẳng định thêm giá trị văn hóa đặc sắc trong phong tục cưới hỏi của người Khmer Nam Bộ.

*Từ khóa:* Biểu tượng, hoa cau, dân ca, lễ cưới Khmer Nam Bộ.

### 1. Đặt vấn đề

Lễ cưới của người Khmer (Pithi Apea Pipea) là một trong những nghi lễ vòng đời được tổ chức với nhiều nghi thức mang màu sắc tín ngưỡng dân gian và tín ngưỡng Phật giáo. Hôn lễ truyền thống được cử hành trong ba ngày (nay còn lại hai ngày) trước sự chứng kiến của trời đất, thần linh, tổ tiên, sư sãi, gia đình, họ hàng và bạn bè. Qua từng nghi thức trong lễ cưới, người xưa gửi gắm những tâm tư, tình cảm cũng như quan niệm, triết lí sống mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Tham dự lễ cưới của người Khmer, chúng ta không khỏi thắc mắc khi thấy trong các sính lễ của nhà trai mang đến cho nhà gái lúc nào cũng có *buồng hoa cau*. Nếu như trong lễ cưới của người Kinh, ngoài những mâm lễ vật có bánh, trái cây, rượu thịt thì nhất thiết phải có mâm đựng buồng cau và dăm miếng trà cay được phủ khăn đỏ mang đến cho nhà gái. Còn trong lễ cưới của người Khmer, thay cho buồng cau đó lại là *buồng hoa cau*. Lễ vật này thể hiện phong tục tập quán vừa có nét tương đồng vừa khác biệt với người Kinh. Nét văn hóa khác biệt ấy càng trở nên sinh động và giá trị khi có sự kết hợp giữa nghi thức trao lễ vật với phần diễn xướng minh họa

### Abstract

Researching symbols in folk culture and literature has been conducted by various researchers nationwide and worldwide. On the basis of theory and practice, this paper is initially to delve into the origin and meaning of “areca flower” symbol in Southern Khmer weddings. In addition, it is, on the one hand, to testify the literary values of “areca flower” symbols represented in a number of wedding folk songs, and on the other hand, to affirm the cultural values in Khmer people’s traditional weddings in Southern Viet Nam.

*Key words:* symbols, areca flower, folk songs, Khmer wedding in Southern Vietnam.

bằng những nhạc khúc về hoa cau. Hoa cau vừa là biểu tượng văn học thể hiện qua một số bài dân ca lễ cưới Khmer vừa là biểu tượng văn hóa thể hiện đặc trưng trong phong tục cưới hỏi của người Khmer Nam Bộ.

### 2. Nội dung

Vấn đề nghiên cứu về biểu tượng trong văn học dân gian của các dân tộc trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng đã có rất nhiều công trình, bài viết đề cập đến. Ở Việt Nam, có thể kể đến một vài công trình, bài viết về biểu tượng trong ca dao, dân ca tiêu biểu như: Trong cuốn *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam*, (Vũ Ngọc Phan 1999) đã viết về biểu tượng con cò, cái bóng nhằm biểu trưng cho hình ảnh người nông dân Việt Nam; trong cuốn *Thi pháp ca dao*, (Nguyễn Xuân Kính 2004) khi nghiên cứu về biểu tượng trong ca dao, tác giả đã chia biểu tượng thành hai nhóm. Một là nhóm biểu tượng hình thành từ thế giới tự nhiên bao gồm: hiện tượng tự nhiên, động vật, thực vật. Hai là nhóm biểu tượng hình thành từ thế giới vật thể nhân tạo bao gồm: các đồ dùng cá nhân, các dụng cụ sinh hoạt trong gia đình, các công cụ sản xuất, các công trình kiến trúc. Trong công trình này, tác giả cũng đã chỉ ra một số đặc sắc riêng của một

<sup>1</sup> Thạc sĩ, Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ, Trường Đại học Trà Vinh

số biểu tượng cây trúc, cây mai, hoa nhài... trong mỗi tương quan với văn học viết. Trong tác phẩm *Những thế giới nghệ thuật ca dao* (Phạm Thu Yên 1998) đã viết về “*Vấn đề nghiên cứu biểu tượng trong thơ ca thơ trữ tình Việt Nam*”, trên cơ sở tiếp cận lý thuyết về nghiên cứu biểu tượng và đặc trưng thể loại trữ tình dân gian của các nhà nghiên cứu nổi tiếng về văn học dân gian Nga như: Vi.Ia. Prôp, F.M Xêlivanôp, Bêlinxki, N.P. Cônpacôva,... tác giả đã xác định ranh giới giữa biểu tượng và ẩn dụ; biểu tượng thơ ca dân gian với đặc trưng thể loại; sự hình thành và phát triển của biểu tượng thơ ca dân gian. Tiếp đến là bài viết *Tìm hiểu nguồn gốc biểu tượng trong ca dao Việt Nam*, (Nguyễn Thị Ngọc Điệp 2001) đã nêu khái niệm biểu tượng và biểu tượng nghệ thuật trong ca dao Việt Nam. Tác giả đã chỉ ra rằng biểu tượng trong ca dao Việt Nam xuất phát từ nhiều nguồn gốc khác nhau: Thứ nhất là xuất phát từ phong tục tập quán của người Việt Nam, từ quan niệm dân gian, tín ngưỡng dân gian; thứ hai là xuất phát từ văn học cổ Việt Nam và Trung Quốc; thứ ba là xuất phát từ sự quan sát trực hăng ngày của nhân dân. Ngoài ra còn có nhiều công trình bài viết đã được đăng trên các tạp chí, trang web cũng như các luận văn thạc sĩ, tiến sĩ cũng đã khai thác nghiên cứu về các biểu tượng như: dải yếm, nước, chim, cây đa, biểu tượng con số,... Và công trình gần đây nhất là cuốn *Nghiên cứu văn học dân gian từ mã văn hóa dân gian* (Nguyễn Thị Bích Hà 2013) đã xem biểu tượng là một loại mã văn hóa tiêu biểu nhất, tác giả đã trình bày về ý nghĩa, đặc điểm, phân loại biểu tượng. Tác giả cũng đã trình bày một số nghiên cứu trường hợp như: Biểu tượng lan trong dân ca dân tộc Mông; biểu tượng dòng sông trong bài ca tang lễ một số dân tộc vùng Bắc Bộ Việt Nam,...

Như vậy, qua các công trình nghiên cứu tiêu biểu nêu trên, chúng ta thấy rằng thế giới biểu tượng văn học nói riêng và biểu tượng văn hóa nói chung hết sức phong phú và đa dạng. Trên cơ sở những nghiên cứu mang tính chất tiền đề cùng với việc quan sát thực tiễn và tìm hiểu về phong tục tập quán của người Khmer, đặc biệt là trong lễ cưới, người viết bước đầu tìm hiểu và giải mã biểu tượng “hoa cau” trong lễ cưới của người Khmer Nam Bộ.

## 2.1. Biểu tượng “hoa cau” nhìn từ góc độ văn học.

Từ những công trình nghiên cứu về thơ ca trữ tình dân gian Việt Nam cho thấy chiếm số lượng lớn nhất trong hệ thống các hình ảnh mang ý nghĩa biểu trưng đó chính là hình ảnh các loài hoa. Hình ảnh hoa có giá trị biểu trưng phong phú: biểu trưng cho cái đẹp, cho phẩm chất, cho sức sống, cho sự trong trắng, cho hạnh phúc tình yêu và cho cả nỗi đau về thân phận của người phụ nữ. Với đặc điểm đa dạng sinh học của các loài hoa, liên tưởng nghệ thuật của con người trở nên phong phú, điều đó thể hiện mối quan hệ gắn kết giữa thế giới thực vật trong tự nhiên với đặc điểm, tính chất trong mỗi tương quan với đặc điểm, tính chất của con người. Từ đó đã làm nảy sinh nhiều sáng tạo nghệ thuật mang ý nghĩa biểu trưng sâu sắc. Trong số các loài hoa mang ý nghĩa biểu trưng, không loại trừ loài hoa nào, dù là hoa quý và hay hoa dại: *hoa lan, hoa huệ, hoa hồng, hoa mai, hoa đào, hoa cúc, hoa sen, hoa nhài, hoa chanh, hoa cà, hoa tầm xuân, hoa mắc cở, hoa khoai, hoa bắp*,... cũng đều góp mặt trong những câu ca dao trữ tình sâu lắng: “*Miệng cười như cánh hoa nhài; Như nụ hoa quế như tai hoa hồng*” hay “*Hoa lí là chị hoa lài; Hoa lí có tài hoa lài có duyên*”; “*Hoa đào héo nhụy anh thương; Anh mong bẻ lá, che sương cho hoa đào*”,...

### 2.1.1. Hình ảnh hoa và hoa cau trong dân ca Khmer.

Qua khảo sát một số công trình sưu tầm về ca dao dân ca của người Khmer Nam Bộ tiêu biểu như: “*Dân ca Cửu Long*” của Lư Nhất Vũ, Nguyễn Văn Hoa, Lê Giang, Thạch An, 1986, Sở Văn hóa Thông tin Cửu Long; “*100 làn điệu dân ca Khmer*” của Nguyễn Văn Hoa, 2003, Nxb Trẻ; “*Dân ca Kiên Giang*” của Lư Nhất Vũ, Nguyễn Văn Hoa, Lê Giang, 2005, Sở Văn hóa Thông tin Kiên Giang,... Riêng phần ca dao dân ca Khmer, hình ảnh các loài hoa như: hoa đọt chiếc, hoa rau ngổ, hoa tràm, hoa càng cua, hoa súng, hoa rau dứa, hoa sen, hoa kết vòng, hoa Baty, hoa Tholây,... vốn rất đặc trưng trong đời sống của người Khmer Nam Bộ. Tần số xuất hiện của các loài hoa tuy không nhiều (mỗi loài hoa được nhắc đến một đến hai lần) nhưng có thể khái quát lên một điều rằng hầu hết các loài hoa ấy đều nhằm ca ngợi vẻ đẹp duyên dáng, mộc mạc giản dị và phẩm chất thanh cao, trong sáng của người phụ nữ:

“... Em ơi! Sen mọc lên trong bùn  
Mà có sao sen thơm lừng  
Khiến lòng anh ngất ngây thương em vô cùng”  
(Bơi thuyền)

Bên cạnh những loài hoa kể trên, với đặc tính của hoa cau trong buồng, xuất hiện trong một số bài dân ca lễ cưới được sưu tầm trong các công trình nêu trên giúp ta liên tưởng đến vẻ đẹp của người phụ nữ mới trưởng thành. Hình ảnh hoa cau ấy đã trở thành biểu tượng văn hóa về phong tục hôn nhân của người Khmer Nam Bộ:

“Thật tiếc lắm thay, ngày cưới của chúng mình, ...  
Ngày cưới rắc hoa cau trắng phau trên thềm cửa  
Anh và em ngồi kể bên nhau  
Ôi, hạnh phúc biết đường nào, ...”  
(Nhớ ngày cưới)

Trong lễ cưới truyền thống của người Khmer, ứng với từng lễ thức nói chung và lễ thức *Xin cắt hoa cau* và *Cắt hoa cau* nói riêng đều có khúc hát dân ca nói về hoa cau được tấu lên cùng với những động tác diễn xướng minh họa cho từng lễ tiết đã tạo nên không khí trang trọng, sinh động vui tươi và qua đó gửi gắm những thông điệp ý nghĩa về hôn nhân gia đình của người Khmer trong ngày cưới.

### 2.1.2. Nguồn gốc, ý nghĩa biểu tượng “hoa cau” trong dân ca lễ cưới người Khmer.

Liên quan đến biểu tượng “hoa cau” xuất hiện trong lễ cưới, chúng ta chú ý đến hai lễ tiết. Trước tiên là lễ tiết: *Xin cắt buồng hoa cau* (ở nhà trai) và lễ tiết *Cắt hoa cau* (ở nhà gái). Mỗi lễ tiết ẩn chứa một ý nghĩa sâu sắc và xuất phát từ những câu chuyện kể khác nhau. Khi ông mai làm lễ *Xin cắt buồng hoa cau* từ trên cây cau xuống thì dàn nhạc bắt đầu tấu lên khúc hát *Cắt bóng cau*. Theo nhạc tấu của bài hát, ông mai diễn xuất với động tác dẫn dắt một thanh niên khỏe mạnh trèo lên cây hái bẹ cau trong sự chứng kiến, chờ đợi hồi hộp của họ nhà trai. Vì bông cau đang ấp bẹ, chứa đựng nguyên vẹn những gì tinh khôi nhất nên người cắt phải hết sức cẩn thận, nâng niu như một vật quý:

“Hoa cau thơm ngát; Mo cau thối cứng  
Bụi hoa tung bay; Thơm theo chiều gió.  
Anh lấy tay cắt; Thận trọng đem về

Anh ôm vào lòng; Rồi buộc vào khăn.  
Để trên cái mâm; Trông thấy đẹp mắt  
Thấp lên đèn cày; Với lòng cầu nguyện  
Đưa đến nhà em; Anh giao tận tay”, ...

(*Xin cắt buồng hoa cau*)

Sáng ngày hôm sau, họ hàng nhà trai cùng chú rể hân hoan phấn khởi mang sính lễ sang nhà gái trong tiếng nhạc vui tươi, rộn ràng với ca khúc tấu lên rằng:

“Bình minh tỏa sáng; Khắp cả đất trời  
Nhà bên đàng trai; Mọi người đông đủ  
Tay cầm hoa cau; Tay cầm đèn cày...  
Tiễn đưa chú rể; Có cả rượu, trầu, cau...”

(*Đưa sính lễ*)

Thái độ trân trọng, nâng niu của nhà trai đối với *buồng hoa cau* khi mang sang nhà gái xuất phát từ một huyền thoại về hoa cau được lưu truyền như sau: “Ngày xưa có một chàng trai con nhà giàu, có thể lực nhưng lại rất độc ác. Anh ta muốn dùng sức mạnh chiếm đoạt người con gái đẹp nhất sóc *Kul*. Bố mẹ cô gái không muốn gả con mình cho anh ta nhưng lại sợ nên đã nghĩ ra một đôi hỏi ngất nghèo, mong anh ta phải rút lui: Nếu anh ta tìm được bông cau còn đang trong bẹ nguyên vẹn (khi ấy người Khmer chưa biết trồng cây cau) đem đến làm lễ cưới thì ông gả con gái cho. Chàng trai quyết đi tìm cho được bẹ cau mang về làm sính lễ cưới cô gái. Lang thang lâu ngày và đi xa hàng vạn dặm, anh vẫn chưa tìm được bẹ cau. Vào một đêm nằm ngủ, trong giấc mơ, chàng trai thấy một con sáo mách bảo chỗ có bông cau. Khi tỉnh dậy, lần theo đường con sáo mách bảo, anh đến một hòn đảo nhỏ giữa đầm lầy, chống trả với cả đàn sấu để vào được nơi có cây cau và lấy bẹ cau mang về. Thấm thoát đã ba năm, như hẹn ước, chàng trai mang bẹ cau đến nhà gái dâng lên cha mẹ cô gái và xin được cầu hôn. Cha mẹ cô gái giữ lời hứa, gả con gái cho chàng trai. Đôi trai tài gái sắc đã thành vợ chồng, chàng trai trở thành người chồng tốt và họ sống với nhau hạnh phúc sinh con đàn cháu đống. Từ đó về sau đám cưới của người Khmer đều lấy bẹ cau làm lễ vật thiêng liêng nhất”<sup>2</sup>

Cùng giải thích về nguồn gốc của hoa cau trong ngày cưới, ở khía cạnh văn học, theo bản kể nêu

<sup>2</sup> Hoàng, Túc. 2011. *Diễn ca Khmer Nam Bộ*, NXB Thời đại. tr99.

trên cho thấy hoa cau là một trong những sinh lễ gắn với mô típ “điều kiện thách cưới” mà chúng ta thường thấy trong truyện kể dân gian của các dân tộc. Điều kiện thách cưới nhằm mục đích mượn có để từ chối hoặc cũng có khi nhằm muốn thử thách tài trí và tính kiên nhẫn của đôi phương, với mong muốn tìm được người xứng đáng nhất. Cũng chính vì vậy mà những thử thách đặt ra khiến đôi phương mất một khoảng thời gian và trải qua nhiều gian nan để đi tìm và những thứ cần tìm là những vật rất hiếm và thậm chí là không có.

Ở một dị bản khác, khi giải thích về nguồn gốc biểu tượng hoa cau, xuất phát từ tín ngưỡng Phật giáo, trong dân gian cũng đã truyền tai nhau về câu chuyện được kể lại rằng: “Ngày xưa, có một thanh niên thông minh tài trí tên Vithu Banh Đéché. Lúc tu hành Vithu Banh Đéché rất giỏi thuyết pháp. Tiếng tăm của chàng nổi tiếng khắp nơi và lọt đến tai nhà vua Thủy tề. Mặc dù chàng đã hoàn tục nhưng nhà vua vẫn không thể nào mời chàng về cung của mình được. Mãi về sau nhà vua buộc phải treo giải thưởng rằng ai đưa được Vithu Banh Đéché về cung vua thì người đó sẽ được làm rể nhà vua. Tin này truyền đến tay chằn tinh và chằn tinh đã bắt được Vithu Banh Đéché đem xuống thủy cung đòi ban thưởng. Nhà vua đem câu chuyện kể cho Vithu Banh Đéché nghe. Nghe xong, chàng gợi ý cho nhà vua cách thử xem hai người họ quả có duyên nợ với nhau không. Chàng nói: “Nếu chằn tinh và công chúa có duyên nợ kiếp trước, nhà vua hãy ra điều kiện là trong vòng một tuần nếu chằn tinh tìm được ‘hoa nở trong buồng’ đem về làm quà sinh lễ thì sẽ được cưới công chúa, còn không thì hủy lời ước”.

Nhà vua đồng ý và ra điều kiện cho chằn tinh. Sáu ngày trôi qua nhưng chằn tinh vẫn không tìm được hoa nào nở trong buồng như lời nhà vua nói. Đang trong lúc mệt mỏi cộng với sự tuyệt vọng trong lòng, chằn tinh nằm tựa dưới gốc cây cau. Trong cơn mơ, chằn tinh nghe văng vẳng tiếng ai nói bên tai: “Hoa nở trong buồng là hoa của cây mà nhà ngươi đang ngồi dựa đó”. Chằn tinh nghe xong, mừng quá, choàng đứng dậy và quan sát cây cau. Cuối cùng, chằn tinh cũng tìm được đáp án và được cưới con vua Thủy tề”.<sup>3</sup>

Từ những lý giải về nguồn gốc biểu tượng “hoa cau” như đã nêu trên, chúng ta thấy rằng, giữa một số thể loại văn học dân gian của các dân tộc nói chung và với văn học dân gian Khmer nói riêng có mối quan hệ sinh thành và phát triển, cụ thể ở đây là sự gắn kết giữa thể loại truyện kể dân gian với thể loại ca dao dân ca, với vai trò giải thích về nguồn gốc và ý nghĩa biểu tượng “hoa cau” trong lễ cưới của người Khmer Nam Bộ.

Nếu như trong phong tục cưới hỏi của người Kinh, biểu tượng trầu cau và vôi vón tượng trưng cho mối duyên nông thắm, bền chặt của đôi vợ chồng và nó bắt nguồn từ *Sự tích trầu cau*, một câu chuyện có kết cuộc bi ai, gây xúc động lòng người bởi đạo nghĩa vợ chồng và tình anh em gắn bó. Với người Khmer, trong ngày cưới vẫn không thiếu trầu cau và có điều đặc biệt là trong mâm sinh lễ, trầu cau được xếp xung quanh buồng cau trắng như góp phần tô đậm thêm ý nghĩa của hôn lễ. Hoa cau có mặt trong hôn lễ của người Khmer vừa là biểu tượng trưng cho vẻ đẹp tinh khiết, trong trắng của người con gái đồng thời biểu thị tình nghĩa keo sơn gắn bó, lòng biết ơn của con cái đối với cha mẹ, anh em. Buồng hoa cau được xẻ ra thành từng nhánh nhỏ sau đó cột lại thành ba bó: bó hoa trường (phka sla chbong) với 21 miếng trầu cau, biểu thị lòng biết ơn đối với người cha; bó hoa kế (phka sla bon top) với 12 miếng trầu cau, biểu thị lòng biết ơn dành cho người mẹ; bó hoa út (phka sla pâu) với 6 miếng trầu cau, biểu thị lòng biết ơn người anh. Các bó hoa được cắm trong bình hoa đặt ở nơi trang trọng. Lễ tiết này được diễn ra trong tấu khúc minh họa bởi bài hát *Cắt hoa cau* làm cho không khí trở nên trang trọng và hôn lễ cũng tăng thêm phần ý nghĩa:

“...Tôi kể về nàng da ngâm; Mặt trông thật sáng sủa  
Mẹ nàng cắt hoa cau; Mười chín lượng, ba bátch...  
Người sẽ chúc phúc đức; Xin mời ông Maha, ...  
Tiếp cắt hoa cau chúc phúc  
Xin ông cắt hoa trường; Nàng xinh đẹp, khôn ngoan ơi  
Mẹ nàng cắt hoa cau; Mười chín lượng, hai bátch...  
Hoa cau thứ ba; Là hoa cau nàng út  
Nàng Meas ô Ray; Người con gái thông minh  
Mẹ nàng cắt hoa cau; Mười chín lượng, một bátch...”

(*Cắt hoa cau*)

<sup>3</sup> Lý, Minh Trâm. “Dân ca trong lễ hội của người Khmer Sóc Trăng”. (Luận văn Thạc sĩ). Trường Đại học Cần Thơ, 2010.tr 44,45.

Lễ tiết *Cắt hoa cau* và tục cột cành hoa cau làm ba bó, bắt nguồn từ truyện tích: “Ngày xưa, có bốn người kết bạn với nhau, cùng đi tìm đạo sĩ học phép thuật. Vị đạo sĩ dạy mỗi người một phép thuật. Vị thứ nhất học bắn cung. Người thứ hai học bói toán. Người thứ ba học lặn. Người thứ tư học cứu người chết sống lại. Sau khi học thành tài, bốn người xin phép sư phụ trở về quê quán. Trên đường về, đến gần một bãi biển, bốn người mới nghỉ chân. Anh có tài bói toán mới lấy quẻ ra bói: “Lát nữa, con đại bàng bắt cóc người đẹp sẽ bay qua đây. Chúng ta hãy chuẩn bị để cứu người đẹp”. Quả thật, lát sau con chim đại bàng tha một phụ nữ bay ngang. Anh bắn cung giỏi liền giương cung lên bắn, con đại bàng trúng tên bị thương, buông rơi người đẹp xuống biển khơi. Anh lặn giỏi liền nhảy xuống lặn tìm kiếm. Tìm được nàng, thì nàng đã tắt thở. Anh ta mới bế nàng lên bờ. Anh có tài cứu người chết sống lại mới trở tài. Và anh ta thành công, làm cho nàng hồi sinh. Khi người đẹp sống lại, ai cũng kể công và có ý muốn cô gái làm vợ của mình. Không ai chịu nhường ai, bốn người mới đưa nhau đến nhờ sư phụ phân xử. Vị đạo sĩ phán rằng: “Người có tài bói toán được làm cha, người đã giúp cho nàng sống lại được làm mẹ, người bắn chim đại bàng trọng thương được làm anh. Còn người lặn giỏi mới được làm chồng, vì anh ta đã ôm nàng vào lòng khi cứu nàng lên từ biển khơi”

Bốn người vâng lời dạy của sư phụ, nhưng họ cầu xin lấy gì làm vật chứng lòng biết ơn, để cô dâu chú rể khi thành hôn, biểu lộ lòng biết ơn của mình đối với cha, mẹ và anh. Vị đạo sĩ dạy rằng: “Trong đời người, lễ cưới là lễ quan trọng nhất, nên lấy bông hoa cau (là vật trong trắng, tinh khôi nhất) làm biểu tượng cho tình cảm tốt đẹp của con người đồng thời vừa tượng trưng cho sự trong trắng của cô gái, rồi cắt ra, lấy cành hoa cột thành ba bó: Bó thứ nhất là ơn cha, dùng để tặng cha; Bó thứ hai là ơn mẹ, dùng để tặng mẹ; Bó thứ ba là ơn anh, dùng để tặng anh”.<sup>4</sup>

Chúng ta nhận thấy rằng truyện *Hoa Cau* của người Khmer có nhiều điểm tương đồng với truyện *Ba chàng thiện nghệ* của người Kinh. Thứ nhất, cả hai truyện đều thuộc nhóm truyện

về người tài giỏi; thứ hai là cả hai truyện đều có motif *cứu người đẹp* nhưng người đẹp chỉ có thể chọn một người để làm chồng trong khi có tới ba chàng trai (người Kinh) và có tới bốn chàng trai tài giỏi (người Khmer), mỗi người đều góp một phần vào quá trình cứu người đẹp; thứ ba là cách phân xử của người Khmer cũng có một điểm giống với người Kinh đó là dựa vào đạo lý làm người để phân tích thiệt hơn; thứ tư là *Ba chàng thiện nghệ* của người Kinh cũng như *Hoa Cau* người Khmer đều tôn vinh người dân với nghề nghiệp của từng nhân vật gắn với đời sống nông nghiệp, gắn gũi sông nước và cả hai câu chuyện cùng lí giải về mối quan hệ vợ chồng và bạn bè.

## 2.2. Biểu tượng “hoa cau” nhìn từ góc độ văn hóa.

Theo truyền thuyết, tục ăn trầu của người Kinh đã có từ thời Hùng Vương. Từ trước đến nay, trầu cau được xem như một hiện tượng văn hóa truyền tải những triết lý nhân sinh, phản ánh tập tục lâu đời và giữ vai trò quan trọng trong các lễ nghi truyền thống. Đối với các nam nữ thanh niên xưa kia thì miếng trầu là nguyên tố để bắt đầu một tình yêu, một cuộc hôn nhân: “*Miếng trầu nên dâu nhà người*”. Trong cưới hỏi nhận lễ vật trầu cau là đồng nghĩa với việc nhận lời cầu hôn, là giao ước giữa hai họ. Đó là nét đẹp trong phong tục của người Kinh: “*Từ ngày ăn phải miếng trầu; Miếng ăn môi đỏ, dạ sâu dăm chiêu*”. Đối với người Khmer cũng thế, bài hát *Xin trầu cau* (*Bon sum sla srây*) cũng đã nói lên vai trò quan trọng của trầu cau trong lễ cưới, bài dân ca với nội dung vui hài nhưng chứa đựng nhiều tình ý:

“*Anh xin trầu cau; Em rằng không có  
Mà môi em đỏ; Tắm trầu của em  
Trầu này ai tằm; Cau nhà ai chín  
Dù em giấu kín; Anh cũng biết rồi  
Cả buồng cau tươi; Trong tay em đỏ  
Em rằng không có; Để anh xin hoài,...*”

(*Xin trầu cau*)

Trong đám cưới của người Kinh, sính lễ bao giờ cũng phải có buồng cau thật đẹp và tộp lá trầu phải thật tươi. Cũng với quan niệm này, người Khmer cũng chú trọng việc chọn những quả cau ngon, những lá trầu vàng và đặc biệt hơn là còn chuẩn bị *buồng hoa cau* sao cho hoàn hảo để chuẩn bị cho

<sup>4</sup> Trần, Văn Bôn. *Phong tục và nghi lễ vòng đời người Khmer Nam Bộ*. NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội. 2002. tr 76-77.

ngày cưới. Vì trầu cau tượng trưng cho tình duyên, cau trầu càng tươi thắm thì duyên tình đôi trẻ càng mặn nồng. Hoa cau trong buồng cùng với dăm miếng trầu cau luôn có mặt trong hôn lễ của người Khmer là sự khơi gợi, nhắc nhở mọi người hướng về tình yêu son sắt, một cuộc sống vợ chồng gắn bó, thủy chung và luôn lấy nghĩa tình làm trọng và điều đó xuất phát từ nền tảng vững chắc bởi mối quan hệ gia đình, lòng biết ơn ông bà, cha mẹ và anh em. Trong văn hóa phương Đông nói chung và Việt Nam nói riêng, triết lý hòa hợp Âm - Dương để nhằm hướng tới của sự phát triển bền vững, đây là điều mà con người luôn quan tâm. Phong tục cưới hỏi của người Khmer cũng không nằm ngoài triết lý đó. Trầu cau nói chung và hoa cau nói riêng đã trở thành biểu tượng của hôn nhân, của sự may mắn, hạnh phúc đối với người Kinh Nam nói chung và đối với người Khmer nói riêng. Rõ ràng, qua nghi lễ đám cưới của người Khmer, việc chuẩn bị trầu cau, hoa cau từ việc xin phép thần linh đến việc dâng sớ lên tổ tiên, ông bà đều xuất phát từ tín ngưỡng tâm linh với mong muốn cho gia đình luôn được hạnh phúc viên mãn. Như vậy, trầu cau, hoa cau không chỉ có giá trị về vật chất mà còn có giá trị về tinh thần, trở thành biểu tượng thiêng liêng kết nối giữa đời sống thực tại với đời sống tâm linh của người Khmer Nam Bộ.

Việc tìm hiểu ý nghĩa biểu tượng “hoa cau” trong dân ca lễ cưới của người Khmer còn giúp chúng ta nhận ra dấu ấn chế độ mẫu hệ của người Khmer xưa cũng được thể hiện rõ nét. Hoa cau là biểu tượng tôn vinh cho vẻ đẹp thể chất lẫn tâm hồn của người phụ nữ. Qua biểu tượng hoa cau, ta thấy hình ảnh cô gái hiện ra với vẻ e ấp như *cau trong buồng* được bảo bọc kỹ lưỡng nên rất tinh khiết, trong sáng, đáng để các chàng trai nâng niu, trân trọng và giữ gìn. Người Khmer vốn có văn hóa tôn trọng phụ nữ, bởi trước đây người Khmer sống theo chế độ mẫu hệ, trong gia đình vai trò của người phụ nữ rất quan trọng. Bằng chứng là trong hôn nhân của con cái, việc chọn chồng cho con gái phần lớn do người phụ nữ quyết định. Việc tổ chức đám cưới chủ yếu diễn ra ở nhà gái. Cụ thể là trong nghi thức cắt hoa cau, chúng ta cũng thấy xuất hiện người mẹ cùng với ông Maha (ông mai) cắt hoa cau chúc phúc cho con gái và chàng rể. Trước khi cô dâu chú rể bước vào phòng tân hôn, những bông

hoa cau được ông Maha và họ hàng rắc lên người cô dâu chú rể với ý nghĩa nói lên niềm tự hào của người mẹ về sự xinh đẹp, khôn ngoan của con gái, đồng thời thể hiện sự hài lòng về cuộc hôn nhân và dành những lời chúc phúc, dặn dò với mong muốn con mình được hạnh phúc trăm năm:

“...*Con gái mẹ xinh xinh; Nhìn biết ngay là khôn ngoan  
Mẹ đã chọn quài bông cau; Mười chín lạng và hai bát  
Mẹ đã bằng lòng rồi; Con hãy thương nhau cho  
đúng mức,...*”

(*Cắt hoa cau*)

Bên cạnh đó, ta thấy trầu cau, vôi đều là sản phẩm của sơn lâm và là loại thức ăn có từ rất sớm, gắn với việc chống rét của người Kinh cổ, do thời xa xưa đó, con người sống gắn với thiên nhiên hoang dã, chưa có đủ đồ mặc ấm để chống lại cái rét cắt da cắt thịt nơi rừng sâu núi thẳm. Dần về sau, trầu cau trở nên phổ biến trong đời sống sinh hoạt hằng ngày và rồi dần đi vào những câu chuyện kể dân gian và rồi từ ý nghĩa vật chất, miếng trầu đã trở thành biểu tượng văn hóa tượng trưng cho sự hòa hợp của đạo nghĩa vợ chồng và tình anh em khắng khít. Cũng như người Kinh, người Khmer tại các phum sóc, trong vườn hay trước sân nhà, họ thường trồng nhiều cây cau và giàn trầu. Cùng với các dân tộc em, người Khmer cũng có tục ăn trầu, điều này đã trở thành mỹ tục mang tính đặc thù của nền hóa nông nghiệp. Cùng với trầu cau, buồng hoa cau trong ngày cưới và cả những lễ vật mà nhà trai mang đến nhà gái đều là sản phẩm nông nghiệp, do chính bàn tay của người nông dân lao động làm ra, nó không chỉ thể hiện cuộc sống bình dị của người thôn quê mà còn cho ta thấy được mối quan hệ gắn kết giữa con người với thiên nhiên, nhất là trong môi trường sống - lao động sản xuất. Mặt khác, khi tìm hiểu truyện *Hoa Cau* của người Khmer, ta thấy trong cuộc phân xử xem trong bốn chàng trai ai sẽ là người được cưới công chúa, không chỉ dựa trên việc phân tích hành động của các chàng trai khi tham gia vào quá trình cứu người đẹp, tác giả dân gian còn đưa ra một thử thách mới. Đó là bốn chàng trai phải đi tìm một loài hoa mang về tặng cho công chúa. Cuối cùng, anh lặn giỏi là người thắng cuộc. Vì trong lúc cứu công chúa, anh đã ôm nàng vào lòng. Hành động đó chỉ có ở đạo nghĩa vợ chồng, theo quan niệm của người xưa. Mặt khác, anh lặn giỏi trong cuộc thi tìm hoa cho công chúa, anh cũng đã chọn hoa cau, một loài cây có mặt trong đời

sống cư dân nông nghiệp. Trong bốn loại hoa mà bốn chàng trai tìm được, hoa cau được công chúa yêu thích hơn cả. Có lẽ hoa cau được hình thành ở độ cao nhất định, được bao bọc trong lớp vỏ phủ kín. Sự bao bọc ấy giúp cho hoa cau đã giữ được hương thơm thoảng nhẹ, dễ chịu. Nét đẹp ấy chẳng khác nào nét đẹp của người thiếu nữ mới trưởng thành. Còn màu trắng và hương thơm của hoa cau thể hiện sự tinh khôi, trắng trong của người thiếu nữ. Chính vì hoa cau mang ý nghĩa như vậy nên anh lặn giỏi cuối cùng được chọn làm chồng. Với công chúa, anh là người xứng đáng nhất. Không những thế, hoa cau được anh lặn giỏi cất công tìm kiếm và mang về làm sinh lễ, điều đó đã thể hiện lòng kiên nhẫn, tư tưởng trân quý và mong muốn bảo bọc người phụ nữ mình yêu. Đó cũng chính là một trong những nét tính cách tốt đẹp được hình thành từ văn hóa nông nghiệp của cư dân vùng Đông Nam Á.

### 3. Kết luận

Theo tác giả Nguyễn Thị Bích Hà (2013:tr64): “*thấu hiểu ý nghĩa của các biểu tượng, nói rộng*

*ra là hiểu được hệ giá trị văn hóa của một dân tộc được kết tinh lại trong biểu tượng tức là có thể hiểu hết tận cùng con người của dân tộc ấy”*. Nhận định này là rất đúng. Và việc tìm hiểu biểu tượng “hoa cau” trong lễ cưới của người Khmer đã góp phần làm phong phú thêm hệ thống biểu tượng trong kho tàng văn hóa dân gian Khmer nói riêng và văn hóa dân tộc Việt Nam nói chung. Thông qua việc lý giải về nguồn gốc, ý nghĩa của biểu tượng “hoa cau”, chúng ta thấy rằng, mỗi dân tộc thể hiện lối tư duy, cái nhìn thẩm mỹ về các sự vật tồn tại trong tự nhiên cũng như trong đời sống lao động sinh hoạt hằng ngày theo cách riêng của dân tộc mình. Theo thời gian, những giá trị ấy luôn tồn tại mãi. Và thực tế ngày nay, trong đám cưới của người Khmer, chúng ta vẫn thấy *buồng hoa cau* là một trong những sinh lễ không thể thiếu. Nghiên cứu về giá trị văn học cũng như giá trị văn hóa qua biểu tượng “hoa cau” trong lễ cưới của người Khmer với mong muốn đóng góp một phần nhỏ bé vào việc khám phá, giữ gìn và phát huy những vẻ đẹp, những nét đặc sắc trong văn hóa truyền thống của người Khmer Nam Bộ.

### Tài liệu tham khảo

- Bùi, Mạnh Nhị. 2001. *Văn học dân gian - những công trình nghiên cứu*. NXB Giáo dục.
- Hoàng, Túc. 2011. *Diễn ca Khmer Nam Bộ*. NXB Thời đại.
- Lý, Minh Trâm. 2010. “Dân ca trong lễ hội của người Khmer Sóc Trăng”. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Cần Thơ.
- Lư, Nhật Vũ, Nguyễn, Văn Hoa, Lê, Giang. 2005. *Dân ca Kiên Giang*. Sở Văn hóa Thông tin Kiên Giang.
- Lư, Nhật Vũ, Nguyễn, Văn Hoa, Lê, Giang, Thạch, An. 1986. *Dân ca Cửu Long*. Sở Văn hóa Thông tin Cửu Long.
- Nguyễn, Xuân Kính. 2004. *Thi pháp ca dao*. NXB. Đại học Quốc gia. Hà Nội.
- Nguyễn, Thị Bích Hà. 2013. *Nghiên cứu văn học dân gian từ mã văn hóa dân gian*, NXB.Văn hóa Thông tin.
- Nguyễn, Văn Hoa .2003. *100 làn điệu dân ca Khmer*. NXB Trẻ.
- Trần, Văn Bồn .2002. *Phong tục và nghi lễ vòng đời người Khmer Nam Bộ*. NXB. Đại học Quốc gia. Hà Nội.
- Phạm, Thu Yến .1998. *Những thế giới nghệ thuật ca dao*. NXB Giáo dục.
- Langvietonline.vn, *Trầu cau trong đời sống tâm linh Việt*. 2012. xem 25.9.2014, <<http://honvietquochoc.com.vn/trau-cau-trong-doi-song-tam-linh-viet.aspx>>